

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày tháng 10 năm 2022

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 01, 02/10/2022

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	2069010001	Nguyễn Thị Quỳnh	An	KC	ĐH	1.0	4.0	4.0	2.0	3.0	
2	2066020009	Đổng Hoàng	Anh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
3	2069010003	Nguyễn Thị	Anh	KC	ĐH	1.0	4.5	4.0	6.5	4.0	
4	2066010004	Vũ Thị Lan	Anh	KC	ĐH	1.5	5.0	3.0	2.5	3.0	
5	2061070001	Lê Tuấn	Anh	KC	ĐH	1.0	5.0	4.0	1.5	3.0	
6	2066010003	Nguyễn Ngọc	Anh	KC	ĐH	3.0	4.0	4.5	3.5	4.0	
7	2069010004	Nguyễn Thị Lan	Anh	KC	ĐH	8.0	4.5	3.5	4.5	5.0	
8	2069010005	Cao Thị Minh	Anh	KC	ĐH	1.0	6.5	6.0	2.0	4.0	
9	2066010001	Cao Việt	Anh	KC	ĐH	3.0	4.5	5.0	3.5	4.0	
10	2069010002	Đào Thị Minh	Anh	KC	ĐH	8.0	7.0	5.0	4.5	6.0	
11	2069010006	Hoàng Thị Hồng	Ánh	KC	ĐH	0.5	4.5	5.0	4.5	3.5	
12	2069080011	Phạm Thị Ngọc	Ánh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
13	2069010007	Trương Ngọc	Ánh	KC	ĐH	1.0	2.0	4.5	4.0	3.0	
14	2069010008	Phạm Thị	Bích	KC	ĐH	3.0	4.5	4.0	4.5	4.0	
15	2066010006	Lục Thị Ngọc	Bích	KC	ĐH	5.0	7.0	7.0	6.5	6.5	
16	2066010007	Thạch Tiểu	Bình	KC	ĐH	1.5	3.0	3.0	Vắng	0.0	
17	2069010009	Vũ Thị	Bình	KC	ĐH	1.0	4.0	3.0	4.0	3.0	
18	2069010010	Hà Thị Mai	Châm	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
19	2069010013	Nhữ Thị Kim	Chi	KC	ĐH	4.0	4.5	3.5	2.0	3.5	
20	2069010011	Lê Thị Lan	Chi	KC	ĐH	0.0	3.5	4.0	2.0	0.0	
21	2069010195	Lê Thị Linh	Chi	KC	ĐH	0.5	4.5	3.0	3.0	3.0	
22	2069010014	Phạm Mai	Chi	KC	ĐH	2.5	6.0	5.0	7.0	5.0	
23	2062030001	Lường Hữu	Chương	KC	ĐH	2.5	4.0	4.0	3.5	3.5	
24	2069080014	Vũ Văn	Công	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
25	2066030002	Nguyễn Văn	Đạt	KC	ĐH	2.5	5.0	3.5	2.5	3.5	
26	2069010190	Đình Ngọc	Diệp	KC	ĐH	3.0	3.5	3.5	4.0	3.5	
27	2069010017	Trần Thị	Diệp	KC	ĐH	1.0	4.0	4.5	4.5	3.5	
28	2069010016	Hà Thị	Diệp	KC	ĐH	2.5	3.0	3.0	2.5	3.0	
29	2066010008	Lê Thị Đình	Đình	KC	ĐH	4.0	6.5	3.0	3.5	4.5	
30	2069010019	Hà Thị Kim	Dung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
31	2069010018	Lê Thị Thùy	Dung	KC	ĐH	2.5	5.0	3.0	6.0	4.0	
32	2069080010	Đình Thị	Dung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
33	206601CLC01	Hà Thị	Dung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
34	2069010020	Hoàng Thị	Dung	KC	ĐH	1.0	7.0	4.0	4.5	4.0	
35	2069010021	Lê Thị	Dung	KC	ĐH	1.0	5.5	3.5	3.0	3.5	
36	2066010058	Hoàng Văn	Dương	KC	ĐH	1.0	5.5	4.0	2.0	3.0	
37	2069010022	Nguyễn Thị Thùy	Dương	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
38	2061070019	Trịnh Đình	Dương	KC	ĐH	2.5	7.0	7.5	6.5	6.0	

PHÒNG QUẢN LÝ
HỌC PHẦN

[Signature]

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đổi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
39	2069010023	Hoàng Thị	Duyên	KC	ĐH	0.5	4.0	4.0	3.5	3.0	
40	2069010024	Lê Thị	Duyên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
41	2069010050	Nguyễn Thị	Duyên	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	5.0	4.0	
42	2069010025	Dương Thị Thu	Giang	KC	ĐH	2.0	5.0	4.0	6.0	4.5	
43	2066010009	Nguyễn Hương	Giang	KC	ĐH	3.0	6.0	3.5	5.0	4.5	
44	2069010026	Vi Hương	Giang	KC	ĐH	3.0	5.0	2.0	Vắng	0.0	
45	2069010027	Hà Thị	Hà	KC	ĐH	1.0	4.5	4.0	4.0	3.5	
46	2066010011	Mai Thị	Hà	KC	ĐH	3.5	5.0	3.0	2.0	3.5	
47	2066010010	Nguyễn Cẩm	Hà	KC	ĐH	6.0	6.0	6.0	7.0	6.5	
48	2069010028	Nguyễn Thị	Hà	KC	ĐH	6.0	4.5	3.5	4.0	4.5	
49	2069010029	Quách Thị	Hà	KC	ĐH	2.0	4.5	4.5	4.5	4.0	
50	2069010030	Vi Thị	Hà	KC	ĐH	2.0	5.0	4.0	3.0	3.5	
51	2066030003	Hoàng Minh	Hà	KC	ĐH	3.0	3.5	3.0	5.0	3.5	
52	2061070002	Vũ Tuấn	Hải	KC	ĐH	2.0	4.5	6.0	3.5	4.0	
53	2069010183	Lê Ngọc	Hân	KC	ĐH	1.5	7.5	2.5	5.5	4.5	
54	2066010012	Lê Thị	Hằng	KC	ĐH	2.5	4.5	4.0	6.5	4.5	
55	2069010031	Nguyễn Thị	Hằng	KC	ĐH	3.0	2.0	5.5	5.5	4.0	
56	2069010032	Trần Thị	Hằng	KC	ĐH	2.5	3.0	2.5	Vắng	0.0	
57	2069080001	Phạm Thị	Hạnh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
58	2069010034	Lê Thị	Hào	KC	ĐH	4.5	6.5	3.5	3.5	4.5	
59	2061070003	Lê Thị	Hiền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
60	2069010035	Lê Thị	Hiền	KC	ĐH	1.0	5.0	6.5	3.5	4.0	
61	2069010036	Lê Thị	Hiền	KC	ĐH	4.5	6.5	3.0	5.5	5.0	
62	2069010037	Nguyễn Phương	Hoa	KC	ĐH	5.5	7.0	4.5	4.0	5.5	
63	2069010038	Mai Thị Thu	Hòa	KC	ĐH	5.5	7.0	6.0	5.0	6.0	
64	2069010039	Mạc Thị	Hoài	KC	ĐH	4.0	4.5	3.5	3.5	4.0	
65	2066010013	Nguyễn Thị	Hoài	KC	ĐH	4.0	5.0	3.5	4.5	4.5	
66	2069010185	Nguyễn Thị Thu	Hoài	KC	ĐH	4.5	2.0	4.0	5.5	4.0	
67	2069010040	Nguyễn Thu	Hoài	KC	ĐH	5.5	7.0	4.0	4.0	5.0	
68	2066010014	Lê Việt	Hoàng	KC	ĐH	4.0	8.5	4.0	6.5	6.0	
69	2069010041	Bùi Thị	Hồng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
70	2069010045	Hoàng Thị	Hồng	KC	ĐH	1.0	5.0	3.5	3.0	3.0	
71	2066030004	Lang Thị	Hồng	KC	ĐH	5.0	4.5	6.0	5.0	5.0	
72	2066010017	Lê Thị	Hồng	KC	ĐH	2.0	4.0	3.0	3.5	3.0	
73	2069010043	Nguyễn Thị Phương	Hồng	KC	ĐH	4.0	6.0	5.5	5.5	5.5	
74	2069010044	Phạm Thị	Hồng	KC	ĐH	2.0	5.5	3.5	4.5	4.0	
75	2069010042	Lê Thị Thu	Hồng	KC	ĐH	1.5	3.5	2.5	Vắng	0.0	
76	206601CLC02	Phạm Hương	Huê	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
77	2069010046	Hà Thị	Huệ	KC	ĐH	1.5	4.0	2.5	Vắng	0.0	
78	2069010051	Lê Thị	Huệ	KC	ĐH	2.0	4.0	3.5	2.5	3.0	
79	206601CLC03	Ngân Thị	Huệ	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
80	2069010052	Trần Thị	Huệ	KC	ĐH	1.0	4.0	2.5	3.5	3.0	
81	2066010018	Lê Việt	Hùng	KC	ĐH	5.5	7.0	6.0	7.0	6.5	
82	2062030002	Nguyễn Sinh	Hùng	KC	ĐH	1.5	3.0	4.5	3.5	3.0	
83	2069010053	Cao Thị	Hương	KC	ĐH	0.5	3.5	3.5	3.5	3.0	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đôi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
84	2069010054	Hà Thị	Hương	KC	ĐH	0.0	3.5	3.0	3.5	0.0	
85	2069010055	Nguyễn Lý	Hương	KC	ĐH	1.0	5.5	3.0	3.0	3.0	
86	2069010057	Đào Thị	Hương	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
87	2069010056	Vũ Thị Thanh	Hương	KC	ĐH	4.0	5.0	3.5	3.0	4.0	
88	2069010058	Hoàng Thị	Hường	KC	ĐH	0.5	5.5	3.0	4.5	3.5	
89	2066010019	Trần Quang	Huy	KC	ĐH	4.0	6.0	5.5	6.0	5.5	
90	2066010021	Hoàng Thu	Huyền	KC	ĐH	3.5	4.5	4.5	4.5	4.5	
91	2061070004	Lê Thanh	Huyền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
92	2069010061	Mạc Thu	Huyền	KC	ĐH	1.0	4.5	3.5	3.0	3.0	
93	2066010022	Nguyễn Thị	Huyền	KC	ĐH	3.0	7.5	5.0	5.0	5.0	
94	2069080002	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
95	2069010063	Phạm Thị	Huyền	KC	ĐH	0.0	3.5	3.5	3.0	0.0	
96	2069010047	Phạm Thị Thanh	Huyền	KC	ĐH	0.0	4.0	2.5	3.0	0.0	
97	2066010023	Trịnh Lê	Huyền	KC	ĐH	1.5	4.5	4.0	3.0	3.5	
98	2069010151	Trịnh Thị	Huyền	KC	ĐH	0.0	4.5	3.0	4.0	0.0	
99	2069010059	Dương Thị	Huyền	KC	ĐH	0.0	4.0	4.0	3.5	0.0	
100	2069010060	Lò Thương	Huyền	KC	ĐH	1.5	6.0	4.0	4.0	4.0	
101	2069010200	Nguyễn Thị	Huyền	KC	ĐH	0.5	4.0	6.5	4.5	4.0	
102	2069010062	Nguyễn Thu	Huyền	KC	ĐH	0.5	5.0	4.5	4.5	3.5	
103	2069010064	Phạm Thu	Huyền	KC	ĐH	0.0	3.0	3.5	4.0	0.0	
104	2069010065	Trương Thúy	Huyền	KC	ĐH	1.0	4.5	3.0	4.0	3.0	
105	2066010055	Vi Thị Khánh	Huyền	KC	ĐH	0.0	2.5	3.5	3.5	0.0	
106	2069080003	Phan Văn	Khải	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
107	2069080016	Bùi Hữu	Khanh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
108	2069010066	Nguyễn Thị	Khánh	KC	ĐH	1.0	4.0	4.0	4.0	3.5	
109	2061070021	Lê Minh	Khôi	KC	ĐH	4.5	6.5	8.5	7.0	6.5	
110	2069010067	Đỗ Thị	Lan	KC	ĐH	0.0	5.0	4.5	5.0	0.0	
111	2069010191	Đỗ Thị	Lan	KC	ĐH	1.0	5.0	3.0	3.0	3.0	
112	2069010068	Hà Diệu	Lan	KC	ĐH	1.5	2.5	4.0	4.0	3.0	
113	2066030005	Đỗ Thị	Lan	KC	ĐH	3.0	4.5	3.0	5.0	4.0	
114	2061070014	Trương Quốc	Lập	KC	ĐH	0.5	2.5	3.0	4.0	2.5	
115	2069010069	Hà Thị	Liên	KC	ĐH	0.0	4.0	2.5	3.0	0.0	
116	2069010070	Bùi Thị	Linh	KC	ĐH	0.0	5.0	2.5	3.0	0.0	
117	2069010071	Bùi Thùy	Linh	KC	ĐH	1.0	4.5	4.5	3.5	3.5	
118	2069010072	Hà Thảo	Linh	KC	ĐH	0.5	4.0	3.0	5.0	3.0	
119	2069010076	Lê Thị	Linh	KC	ĐH	2.0	6.0	3.0	5.0	4.0	
120	2069010077	Lê Thị	Linh	KC	ĐH	2.5	5.5	4.0	4.0	4.0	
121	2069010075	Lê Thị Diệu	Linh	KC	ĐH	0.0	4.0	3.0	4.5	0.0	
122	2066020004	Lê Thị Diệu	Linh	KC	ĐH	1.5	4.0	5.5	3.5	3.5	
123	2066010026	Lê Thùy	Linh	KC	ĐH	3.0	7.0	8.0	6.5	6.0	
124	206601CLC04	Lương Thùy	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
125	2069010048	Mai Thị	Linh	KC	ĐH	2.0	4.5	4.0	6.5	4.5	
126	2066010024	Nguyễn Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	2.5	4.5	3.0	3.0	3.5	
127	206601CLC05	Nguyễn Thùy	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
128	2069010074	Lê Huyền	Linh	KC	ĐH	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	ĐC

chợ

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đôi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
129	2066010025	Nguyễn Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	3.0	6.5	4.0	6.5	5.0	
130	2069010204	Đỗ Thị Kiều	Linh	KC	ĐH	2.5	3.5	4.0	5.0	4.0	
131	2069010078	Lò Phương	Linh	KC	ĐH	5.5	4.5	4.5	3.0	4.5	
132	2069010073	Lữ Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	5.5	3.5	4.5	5.5	5.0	
133	2069010198	Mai Diệu	Linh	KC	ĐH	5.5	5.0	4.0	4.0	4.5	
134	2069010194	Mai Thị	Linh	KC	ĐH	3.5	5.5	4.0	5.0	4.5	
135	2069010081	Nguyễn Thị	Linh	KC	ĐH	6.0	6.5	6.0	6.5	6.5	
136	2069010082	Nguyễn Thị	Linh	KC	ĐH	5.0	2.5	4.5	3.0	4.0	
137	2069010080	Nguyễn Thị Hà	Linh	KC	ĐH	7.5	7.5	4.5	4.0	6.0	
138	2069010083	Nguyễn Thị Mai	Linh	KC	ĐH	5.5	4.0	5.5	4.0	5.0	
139	2069010084	Nguyễn Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	3.5	4.0	3.5	4.5	4.0	
140	2069010085	Nguyễn Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	3.0	4.5	4.0	3.0	3.5	
141	2069010188	Nguyễn Thùy	Linh	KC	ĐH	6.0	6.5	4.0	4.0	5.0	
142	2069010086	Tô Thùy	Linh	KC	ĐH	5.0	6.0	4.0	4.0	5.0	
143	2069010079	Nguyễn Phương	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
144	2066030006	Trần Văn	Lực	KC	ĐH	5.0	3.0	3.0	5.5	4.0	
145	2066010027	Lê Hiền	Lương	KC	ĐH	3.5	5.5	5.0	4.0	4.5	
146	2066010028	Lê Thị Cẩm	Ly	KC	ĐH	4.5	4.5	4.0	6.0	5.0	
147	2069010088	Trương Thị Ngọc	Ly	KC	ĐH	2.0	4.0	3.5	4.0	3.5	
148	2069010184	Bùi Thị Quỳnh	Mai	KC	ĐH	4.0	5.0	4.0	5.0	4.5	
149	2069010090	Lê Thị Thanh	Mai	KC	ĐH	3.5	6.5	4.5	4.0	4.5	
150	2069010091	Lương Tuyết	Mai	KC	ĐH	4.5	4.5	3.0	5.0	4.5	
151	2069010089	Nguyễn Thị Xuân	Mai	KC	ĐH	5.0	6.0	3.5	4.0	4.5	
152	2062030004	Lê Xuân	Mạnh	KC	ĐH	1.5	4.5	3.0	1.5	2.5	
153	2066010029	Đỗ Thị	Mến	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
154	2069010093	Thao Thị	Mo	KC	ĐH	3.5	2.5	4.0	5.0	4.0	
155	2069010049	Trịnh Thị	Mùi	KC	ĐH	2.0	4.5	4.0	4.0	3.5	
156	2066030007	Hà Xuân	Mưu	KC	ĐH	3.0	4.0	4.5	4.5	4.0	
157	2066010030	Bùi Thị Trà	My	KC	ĐH	5.5	3.5	4.0	5.5	4.5	
158	2066030008	Hà Hoài	Nam	KC	ĐH	3.0	5.0	5.5	5.0	4.5	
159	2069010094	Nguyễn Thị	Nam	KC	ĐH	5.0	5.5	4.0	4.0	4.5	
160	2061070006	Nguyễn Trọng	Nam	KC	ĐH	1.5	4.5	3.5	3.5	3.5	
161	2062030006	Nguyễn Trọng Phương	Nam	KC	ĐH	3.5	5.0	3.0	4.0	4.0	
162	2069010095	Đinh Thị Linh	Nga	KC	ĐH	3.5	3.5	4.0	5.0	4.0	
163	2069080004	Hoàng Thị	Nga	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
164	2069010096	Lê Thị Thúy	Nga	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
165	2069010097	Nguyễn Thị	Nga	KC	ĐH	2.5	3.0	4.0	5.5	4.0	
166	2069010098	Phạm Thị	Nga	KC	ĐH	3.0	2.5	4.5	3.5	3.5	
167	2069010099	Phạm Thị	Nga	KC	ĐH	3.0	4.0	2.5	5.5	4.0	
168	2066010031	Phạm Thị	Nga	KC	ĐH	3.0	3.5	3.0	3.5	3.5	
169	2066020008	Lê Thị Thúy	Ngân	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
170	2069010100	Lộc Thị	Ngân	KC	ĐH	3.5	5.0	5.0	3.5	4.5	
171	2069010101	Lê Thị	Ngọc	KC	ĐH	4.0	4.5	4.5	4.0	4.5	
172	2066030009	Vũ Thị Bích	Ngọc	KC	ĐH	2.5	5.0	4.0	3.5	4.0	
173	2069010102	Lương Hồng	Ngọc	KC	ĐH	1.5	6.0	6.5	3.5	4.5	

T
C
H
G
Đ

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
174	2069010103	Ngân Thị	Ngọc	KC	ĐH	1.5	3.5	2.5	5.0	3.0	
175	2069010104	Phạm Thị	Ngọc	KC	ĐH	2.0	2.5	4.0	3.5	3.0	
176	2069010105	Trương Thị	Ngọc	KC	ĐH	1.0	5.0	3.0	Vắng	0.0	
177	2069010106	Lê Thảo	Nguyên	KC	ĐH	2.5	5.0	5.0	3.5	4.0	
178	2069010107	Hà Thị	Nguyệt	KC	ĐH	1.0	2.5	3.5	4.0	3.0	
179	2066010033	Hà Thị Ánh	Nguyệt	KC	ĐH	3.5	3.0	2.5	3.5	3.0	
180	2069010108	Lương Thị	Nguyệt	KC	ĐH	1.5	6.5	6.0	2.5	4.0	
181	2066010032	Phạm Thị	Nguyệt	KC	ĐH	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	ĐC
182	2066030010	Tào Đỗ Phương	Nhâm	KC	ĐH	5.5	7.5	5.0	6.0	6.0	
183	2069010199	Lê Thị	Nhàn	KC	ĐH	4.5	7.0	3.5	2.5	4.5	
184	2066010034	Nguyễn Phương	Nhi	KC	ĐH	6.0	5.5	4.0	6.0	5.5	
185	2069010186	Trương Thị	Nhi	KC	ĐH	6.0	4.5	3.5	3.5	4.5	
186	206601CLC06	Lộc Thị	Nhi	KC	ĐH	6.0	7.5	3.0	5.5	5.5	
187	206601CLC07	Nguyễn Thị	Nhiên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
188	2069010110	Hà Quỳnh	Như	KC	ĐH	2.0	4.0	2.0	Vắng	0.0	
189	2066010035	Lang Thị	Như	KC	ĐH	4.5	4.0	4.0	3.0	4.0	
190	2066010036	Cao Lê Hồng	Nhung	KC	ĐH	5.5	9.5	4.0	7.0	6.5	
191	2069010111	Hồ Thị Hồng	Nhung	KC	ĐH	6.0	5.0	4.5	4.0	5.0	
192	2069010117	Bùi Thị	Nhung	KC	ĐH	5.0	4.5	2.5	2.0	3.5	
193	2069010112	Lã Thị	Nhung	KC	ĐH	1.0	6.5	6.5	1.5	4.0	
194	2069010114	Mai Thị	Nhung	KC	ĐH	3.5	4.5	3.5	6.0	4.5	
195	2069080005	Nguyễn Thị	Nhung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
196	2069080006	Nguyễn Thùy	Nhung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
197	2069010113	Lê Thị	Nhung	KC	ĐH	1.5	2.0	4.5	5.5	3.5	
198	2069010193	Lê Thị	Nhung	KC	ĐH	3.0	4.0	4.0	2.0	3.5	
199	2069010115	Nguyễn Thị	Nhung	KC	ĐH	5.0	5.0	3.5	4.5	4.5	
200	2066010051	Hà Thị	Nụ	KC	ĐH	4.5	2.5	3.5	4.0	3.5	
201	2066010059	Hà Thị Lâm	Oanh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
202	2069010118	Bùi Thị Quỳnh	Oanh	KC	ĐH	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	ĐC
203	2069010119	Lê Thị	Oanh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
204	2069010205	Lê Thị	Phương	KC	ĐH	3.0	6.0	4.0	3.0	4.0	
205	2069010120	Trần Thu	Phương	KC	ĐH	3.0	5.0	5.0	4.0	4.5	
206	2069010121	Nguyễn Thị	Phương	KC	ĐH	1.0	4.0	4.0	4.0	3.5	
207	2069010122	Nguyễn Thị	Phượng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
208	206601CLC08	Vi Thị	Quang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
209	2066030011	Hà Vinh	Quang	KC	ĐH	1.0	5.0	2.0	3.0	3.0	
210	2069010123	Phạm Thị	Quê	KC	ĐH	3.0	5.0	4.5	5.5	4.5	
211	2069010126	Nguyễn Thị	Quên	KC	ĐH	5.0	4.5	3.0	3.0	4.0	
212	2069080017	Nguyễn Thị Ánh	Quên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
213	2069010125	Ngân Lệ	Quên	KC	ĐH	3.0	2.5	3.5	Vắng	0.0	
214	2066010037	Hoàng Nhật	Quỳnh	KC	ĐH	7.0	7.0	5.0	4.5	6.0	
215	2069010132	Lê Như	Quỳnh	KC	ĐH	5.5	4.0	2.0	3.0	3.5	
216	2069010127	Bùi Thị Như	Quỳnh	KC	ĐH	6.0	5.5	3.0	4.5	5.0	
217	2061070007	Nguyễn Xuân	Quỳnh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
218	2069010130	Trần Thị	Quỳnh	KC	ĐH	4.0	4.5	5.0	5.0	4.5	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đôi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
219	206601CLC09	Vi Thị	Sáng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
220	2069010134	Lê Thị	Sinh	KC	ĐH	4.0	4.0	2.0	3.5	3.5	
221	2069010133	Lò Thị	Sinh	KC	ĐH	2.5	3.0	4.5	4.0	3.5	
222	2069010135	Hoàng Thị	Son	KC	ĐH	0.0	2.5	4.0	Vắng	0.0	
223	2066010057	Lê Xuân	Son	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
224	2066010039	Đàm Thị	Tâm	KC	ĐH	6.0	7.5	3.0	3.0	5.0	
225	2066010038	Lê Văn	Tâm	KC	ĐH	3.5	6.0	2.0	3.5	4.0	
226	2061070018	Trịnh Xuân	Thái	KC	ĐH	2.0	4.5	3.0	3.0	3.0	
227	2066020006	Đỗ Thị	Thắng	KC	ĐH	1.0	4.5	3.5	5.0	3.5	
228	2066010041	Hà Thanh	Thanh	KC	ĐH	4.5	4.0	4.5	3.0	4.0	
229	2069010137	Nguyễn Thị	Thanh	KC	ĐH	5.0	7.5	4.5	3.0	5.0	
230	2069010138	Nguyễn Thị Phương	Thanh	KC	ĐH	5.0	6.0	6.5	4.0	5.5	
231	2066010040	Thiều Thị Thúy	Thanh	KC	ĐH	4.5	4.5	4.0	4.0	4.5	
232	2061070015	Nguyễn Chí	Thanh	KC	ĐH	1.0	2.5	6.5	4.5	3.5	
233	2069010196	Mai Thị	Thao	KC	ĐH	4.5	5.5	2.5	3.0	4.0	
234	2069010142	Bùi Thị Phương	Thảo	KC	ĐH	0.0	6.5	6.0	4.0	0.0	
235	206601CLC10	Hà Thị Minh	Thảo	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
236	206601CLC11	Lương Thị	Thảo	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
237	2066010042	Ngô Thị Phương	Thảo	KC	ĐH	4.0	6.0	4.0	5.5	5.0	
238	2069010141	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KC	ĐH	0.0	4.5	3.5	3.0	0.0	
239	2066010043	Vi Thị	Thảo	KC	ĐH	4.0	3.5	3.5	5.0	4.0	
240	2069010140	Vi Thị Phương	Thảo	KC	ĐH	0.5	4.0	5.0	4.0	3.5	
241	2066010044	Nguyễn Thị	Thu	KC	ĐH	1.5	3.5	3.0	Vắng	0.0	
242	206601CLC12	Nguyễn Thị	Thu	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
243	2069010152	Nguyễn Thị	Thu	KC	ĐH	0.0	6.5	6.5	3.5	0.0	
244	2066010045	Hà Minh	Thư	KC	ĐH	5.0	4.5	4.0	3.5	4.5	
245	2069010202	Đặng Hiền	Thương	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
246	2069010197	Đặng Huyền	Thương	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
247	2069010153	Quản Thị	Thương	KC	ĐH	5.0	4.0	3.0	4.5	4.0	
248	2062030007	Vũ Văn	Thường	KC	ĐH	0.0	3.5	2.0	1.5	0.0	
249	2069010154	Cao Thị	Thuyền	KC	ĐH	5.0	5.0	4.0	6.0	5.0	
250	2066010046	Đỗ Lê Minh	Thúy	KC	ĐH	5.0	8.0	8.5	6.0	7.0	
251	2066010056	Nguyễn Thị	Thúy	KC	ĐH	5.0	4.5	3.0	4.0	4.0	
252	2069010155	Nguyễn Thị	Thúy	KC	ĐH	0.0	6.0	6.5	3.0	0.0	
253	2069010156	Cầm Thị	Thùy	KC	ĐH	3.0	6.0	6.0	6.5	5.5	
254	2066010047	Lê Thị	Thùy	KC	ĐH	5.0	6.5	4.0	4.0	5.0	
255	2069010157	Ngô Thị	Thùy	KC	ĐH	5.5	4.5	5.0	5.5	5.0	
256	2069010203	Trịnh Thị Bích	Thùy	KC	ĐH	5.0	4.5	3.5	3.5	4.0	
257	2069010159	Lê Thị	Thùy	KC	ĐH	5.0	6.5	4.0	4.5	5.0	
258	2069010161	Lê Thị	Thùy	KC	ĐH	3.5	2.5	4.5	3.5	3.5	
259	2069010160	Lê Thị Thu	Thùy	KC	ĐH	4.0	5.0	4.5	4.5	4.5	
260	2069010162	Trịnh Thị	Thùy	KC	ĐH	4.5	4.0	3.0	6.0	4.5	
261	2069010158	Vi Thị Thu	Thùy	KC	ĐH	1.0	4.5	3.5	4.0	3.5	
262	2069010143	Lương Thị	Tin	KC	ĐH	4.0	4.0	3.0	Vắng	0.0	
263	1964010060	Nguyễn Thu	Hà	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	

THÀNH
HỒN

chữ

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đổi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
264	1566020019	Nguyễn Thị Giao	Linh	KC	ĐH	2.5	5.0	3.5	6.5	4.5	
265	2066030013	Lê Văn	Tình	KC	ĐH	5.0	4.0	2.0	7.0	4.5	
266	1869010139	Nguyễn Thị	Tình	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
267	2069010144	Nguyễn Thị	Tới	KC	ĐH	5.5	4.0	3.5	6.0	5.0	
268	206601CLC13	Lê Thị Thanh	Trà	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
269	2066010049	Hoàng Ngọc	Trâm	KC	ĐH	5.0	4.5	4.5	7.5	5.5	
270	2069010192	Hà Huyền	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
271	2069010164	Hà Thị	Trang	KC	ĐH	2.5	4.5	4.0	6.0	4.5	
272	2069010166	Hà Thị	Trang	KC	ĐH	4.0	5.0	3.5	4.0	4.0	
273	206601CLC14	Hà Thị	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
274	2069010165	Hà Thị	Trang	KC	ĐH	2.0	4.5	2.5	6.0	4.0	
275	2069010167	Lê Thu	Trang	KC	ĐH	3.0	4.0	3.5	6.0	4.0	
276	2069010168	Mai Thùy	Trang	KC	ĐH	5.0	4.5	4.5	6.0	5.0	
277	2069010187	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	3.0	5.0	3.5	6.5	4.5	
278	2069010169	Trần Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
279	2069010170	Trịnh Thị	Trang	KC	ĐH	2.5	4.5	5.0	6.0	4.5	
280	2069080007	Bùi Quỳnh	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
281	2069010171	Phạm Thị	Trúc	KC	ĐH	6.5	5.0	3.0	6.0	5.0	
282	2061070009	Lê Minh	Trực	KC	ĐH	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
283	2061070010	Hoàng Thanh	Trung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
284	2061070011	Nguyễn Thanh	Trường	KC	ĐH	2.0	4.0	2.0	4.5	3.0	
285	2069010145	Ngân Thị	Tươi	KC	ĐH	5.0	6.0	6.0	3.0	5.0	
286	2069010146	Nguyễn Thị	Tươi	KC	ĐH	3.5	6.0	3.5	4.5	4.5	
287	2069010147	Nguyễn Thị	Tuyền	KC	ĐH	3.0	3.0	4.0	3.0	3.5	
288	2069010148	Lê Thị	Tuyết	KC	ĐH	2.5	5.0	2.0	3.5	3.5	
289	2069010149	Lương Thị Bạch	Tuyết	KC	ĐH	3.0	5.5	4.5	4.0	4.5	
290	2069010172	Lê Thị Thảo	Vân	KC	ĐH	3.5	4.5	4.0	3.5	4.0	
291	2069010174	Phạm Thị	Vân	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
292	2066010052	Vi Thị Hà	Vân	KC	ĐH	6.5	4.0	4.0	6.0	5.0	
293	2062030009	Lê Quang	Vinh	KC	ĐH	0.5	4.0	4.5	1.5	2.5	
294	2062030008	Dương Tuấn	Vũ	KC	ĐH	0.5	3.5	3.5	1.5	2.5	
295	2069010175	Phạm Thị	Xuân	KC	ĐH	5.0	6.0	6.0	3.5	5.0	
296	2066010053	Trần Thanh	Xuân	KC	ĐH	0.5	4.5	4.5	4.5	3.5	
297	2069010176	Đoàn Thị Kim	Xuyến	KC	ĐH	4.0	6.0	2.0	4.0	4.0	
298	2069010177	Đào Thị Ngọc	Yến	KC	ĐH	4.5	4.5	4.0	5.0	4.5	
299	2069010178	Hà Kim	Yến	KC	ĐH	5.5	6.5	6.0	3.5	5.5	
300	2069010180	Lê Thị	Yến	KC	ĐH	5.0	2.5	3.5	3.5	3.5	
301	2069010179	Lê Thị Kim	Yến	KC	ĐH	1.0	5.0	2.5	5.0	3.5	
302	2069010181	Nguyễn Ngọc	Yến	KC	ĐH	5.0	7.0	4.0	6.0	5.5	
303	2066010054	Phạm Thị Hải	Yến	KC	ĐH	6.0	5.5	3.5	6.0	5.5	
304	2069010182	Võ Thị	Yến	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
305	216C680001	Lê Nguyễn Vân	Anh	KC	CĐ	6.5	9.0	5.5	4.5	6.5	
306	216C680004	Lê Thị Minh	Ánh	KC	CĐ	2.0	6.5	1.0	2.0	3.0	
307	216C680003	Lê Thị Ngọc	Ánh	KC	CĐ	1.5	3.5	3.0	3.5	3.0	
308	216C680005	Lê Thị	Duyên	KC	CĐ	2.0	5.0	5.5	4.0	4.0	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
309	216C680006	Lê Thị	Giang	KC	CĐ	1.0	5.0	1.5	3.0	2.5	
310	216C680009	Phạm Ngọc	Hà	KC	CĐ	1.0	5.0	5.5	3.0	3.5	
311	216C680010	Chu Thị	Hoa	KC	CĐ	1.5	3.0	2.0	3.0	2.5	
312	216C680012	Lê Thị	Hoài	KC	CĐ	1.5	5.0	3.0	2.5	3.0	
313	216C680011	Trịnh Thị	Hoài	KC	CĐ	3.0	5.0	2.5	3.0	3.5	
314	216C680013	Lê Thị	Huyền	KC	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	2.5	0.0	
315	216C680014	Lò Thị	Lâm	KC	CĐ	4.0	5.0	3.0	2.0	3.5	
316	216C680016	Đồng Thị	Linh	KC	CĐ	2.5	4.0	2.5	2.0	3.0	
317	216C680037	Lê Thị Tú	Linh	KC	CĐ	3.5	7.0	5.5	6.5	5.5	
318	216C680018	Ngô Thị Quỳnh	Linh	KC	CĐ	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	ĐC
319	216C680017	Lê Thị Thùy	Linh	KC	CĐ	3.0	5.0	2.5	3.0	3.5	
320	216C680019	Hoàng Thị	Loan	KC	CĐ	0.5	2.5	3.0	2.5	2.0	
321	216C680020	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	KC	CĐ	6.5	5.0	6.0	4.0	5.5	
322	216C680021	Lê Thị	Nguyệt	KC	CĐ	2.0	5.0	3.5	6.0	4.0	
323	216C680022	Dương Mai	Phương	KC	CĐ	2.5	5.0	4.5	3.0	4.0	
324	216C680023	Nguyễn Thị	Phương	KC	CĐ	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	ĐC
325	216C680026	Lê Thị Thanh	Thảo	KC	CĐ	0.5	2.0	3.0	3.0	2.0	
326	216C680024	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KC	CĐ	0.5	4.0	3.0	4.0	3.0	
327	216C680025	Phạm Thị Thu	Thảo	KC	CĐ	1.0	4.0	3.0	3.0	3.0	
328	216C680028	Nguyễn Thị	Thoa	KC	CĐ	1.0	4.0	3.0	4.0	3.0	
329	216C680029	Nguyễn Thị	Thom	KC	CĐ	2.0	3.5	2.0	3.0	2.5	
330	216C680030	Nguyễn Diệu	Thùy	KC	CĐ	1.5	3.5	3.0	4.0	3.0	
331	216C680031	Trương Thị	Thùy	KC	CĐ	5.5	9.0	7.0	8.5	7.5	
332	216C680033	Hà Thị	Thủy	KC	CĐ	0.5	4.5	2.5	3.5	3.0	
333	216C680032	Mai Thị	Thủy	KC	CĐ	1.0	4.0	6.0	5.0	4.0	
334	216C680034	Lang Thị	Tinh	KC	CĐ	1.0	3.0	2.0	4.0	2.5	
335	216C680035	Đồng Thị	Tuyền	KC	CĐ	3.5	4.0	4.5	5.0	4.5	
336	216C680036	Hà Thị	Yến	KC	CĐ	1.0	5.0	2.5	5.0	3.5	

Ghi chú: KC: Đối tượng không chuyên ngữ; ĐH: Đại học; CĐ: Cao đẳng; ĐC: Đình chỉ

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hoàng Nam

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Nguyễn Thế Cường